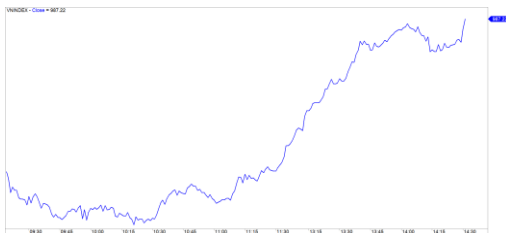


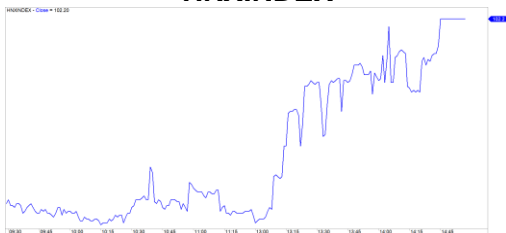
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	987.22	102.20	56.72
% ngày	1.14%	1.08%	0.57%
% tuần	1.35%	1.27%	-0.07%
% tháng	2.11%	-0.09%	-0.75%
% năm	-0.07%	-9.28%	9.67%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,351	292	211
TB 1 tuần	3,679	386	291
TB 1 tháng	3,854	359	413
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	378.63	1.48	25.85
Bán	411.82	1.39	10.40
Giá trị ròng	-33.19	0.09	15.44
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	155	77	200
Mã Giảm	128	59	90
Không Đổi	103	232	610
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.45	8.97	18.49
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,304	185	965
LS Cổ tức	1.42%	4.61%	5.03%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Dòng tiền tham gia sôi nổi ở nhóm cổ phiếu VN30-Index cùng với sự dẫn dắt của nhóm Tài Chính đã giúp các chỉ số thị trường bứt phá mạnh mẽ. Trên HSX, VN30-Index tăng mạnh phiên thứ 2 tăng thêm 1.2% trong khi VN-Index tăng 1.14% dừng tại 987.22 điểm. Chỉ số HNX-Index tương tự tăng 1.07% đóng cửa tại 102.2 điểm. Chỉ số Upcom-Index cũng tiến thêm 0.56% neo tại 56.72 điểm. Giá trị giao dịch cải thiện đạt 3,783 tỷ đồng khớp lệnh trên cả ba sàn.

Nhóm Ngân hàng là đầu tàu dẫn dắt khi CTG(+3.5%), BID(+3.1%), TCB(+3.2%), VCB(+3%), STB(+2%), ACB(+1.8%), HDB(+1.2%) tăng giá với thanh khoản rất cao. Nhóm Chứng khoán cũng bật tăng mạnh khi SHS tăng kịch trần, SSI(+2.4%), HCM(3%). Dòng tiền có xu hướng luân chuyển ở giữa nhóm cổ phiếu khi các cổ phiếu tăng mạnh liền trước như VJC, REE, FPT chững lại trong khi MWG có xung lực tăng mạnh 4.8% tạm dừng tại ở mức cao mọi thời đại 122,400 đồng/cp. PNJ cũng hồi phục 2% đóng cửa tại mức 82,000 đồng/cp. Nhóm Mid-Cap và Small-Cap tăng yếu hơn với các đại diện tiêu biểu như FRT(+7%), VNE(+6.5%), HDC(+4.2%), VRC(4.9%), VHC(+2.7%), PVT(+2.5%), LDG(+2%).

Khối ngoại tiếp tục bán ròng phiên thứ 3 liên tiếp nhưng chỉ với hơn 17 tỷ đồng trên cả ba sàn. VNM(30 tỷ), VRE(29.1 tỷ) là những mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, HPG tiếp tục tâm điểm hút vốn ngoại khi được rót ròng 52.5 tỷ đồng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ biến động trong vùng giá 980 – 990 điểm trong các phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản thấp. Đồng thời, thị trường có dấu hiệu bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho nên nhiều khả năng dòng tiền ngắn hạn sẽ tiếp tục cải thiện trong tuần giao dịch tới. Điểm lưu ý là tuần tới là tuần cơ cấu danh mục của hai quỹ ETF cho nên mức độ thanh khoản đầu tuần dự kiến có thể sẽ thấp và cải thiện dần ở các phiên cuối tuần. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân mới có chiều hướng gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi nâng mức xu hướng ngắn hạn từ GIẢM lên TĂNG của chỉ số VN-Index, VN30, VNMIdcaps và HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 39% cổ phiếu/61% tiền.

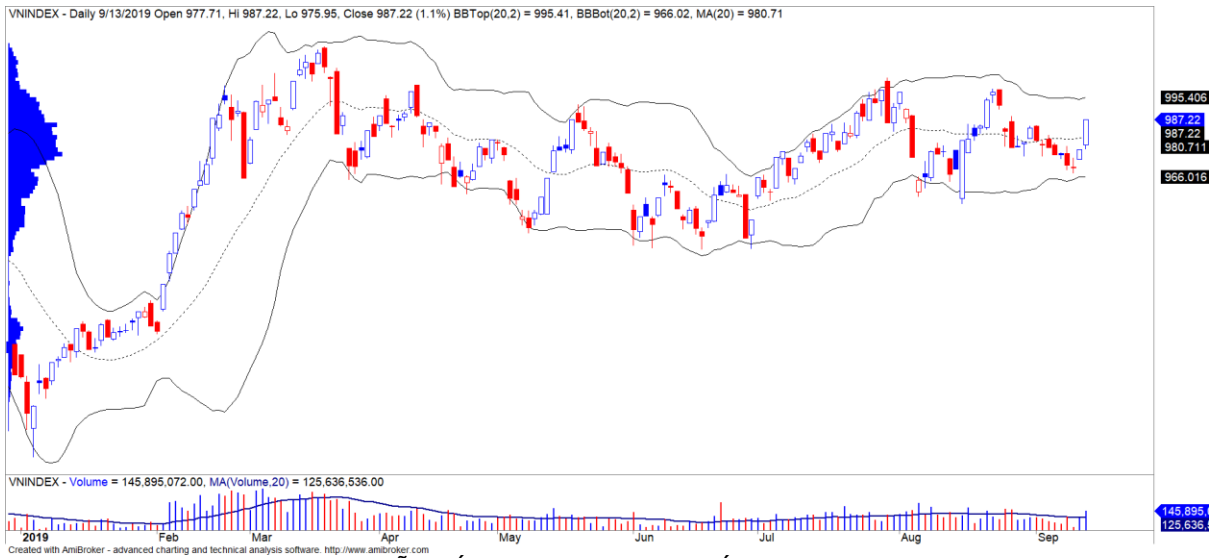
**Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn:** 44% cổ phiếu/56% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	988	1,000	965	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	102.5	108	100	90
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.35	GIẢM	GIẢM		16.64				17.82		
ACB	22.60	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-0.44%			23.85		
ACV	74.60	GIẢM	GIẢM		75.35				88.38		
ANV	25.30	TĂNG	GIẢM	25.45	24.41	-0.59%			27.58		
ASM	5.95	GIẢM	GIẢM		6.19				6.85		
BFC	14.60	GIẢM	GIẢM		15.54				17.44		
BID	39.85	TĂNG	TĂNG	32.65	37.25	22.05%		33.40	34.67	19.31%	
BMP	50.20	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	3.93%	
BSR	8.90	GIẢM	GIẢM		9.39				10.95		
BVH	74.30	GIẢM	GIẢM		75.13				83.30		
BWE	25.60	GIẢM	TĂNG		26.97			20.00	25.45	28.00%	
CEO	10.30	TĂNG	GIẢM	10.30	9.74	0.00%			11.12		
CII	20.65	GIẢM	GIẢM		21.17				22.62		
CMG	38.90	GIẢM	TĂNG		39.11			23.20	34.96	67.67%	
CMX	29.60	GIẢM	TĂNG		33.95			5.91	26.88	400.85%	
CSM	14.75	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	2.50%	
CTD	95.50	TĂNG	GIẢM	97.00	93.14	-1.55%			107.77		
CTG	20.85	TĂNG	GIẢM	20.85	20.33	0.00%	MUA		21.90		
CTI	22.50	GIẢM	GIẢM		23.95				24.64		
CTR	46.50	TĂNG	N/A	46.50	45.71	0.00%	MUA	-	N/A		
CVT	20.85	GIẢM	TĂNG		20.94			20.35	18.94	2.46%	
DCM	8.40	TĂNG	TĂNG	8.47	8.26	-0.83%		8.54	7.92	-1.64%	
DGC	26.80	GIẢM	GIẢM		27.60				31.42		
DGW	23.85	GIẢM	TĂNG		24.24			23.50	21.45	1.49%	
DHA	29.90	GIẢM	GIẢM		33.53			29.10	32.95	13.21%	BÁN
DHC	33.60	TĂNG	GIẢM	33.00	31.16	1.82%			35.33		
DHG	91.70	GIẢM	GIẢM		93.71				102.97		
DIG	14.05	GIẢM	TĂNG		14.21			13.90	12.65	1.08%	
DPG	44.15	GIẢM	GIẢM		46.36				51.92		
DPM	13.00	GIẢM	GIẢM		13.52				15.07		
DPR	37.90	GIẢM	GIẢM		39.80				45.50		
DQC	18.10	GIẢM	GIẢM		19.33				20.27		
DRC	22.90	TĂNG	TĂNG	22.80	21.18	0.44%		21.60	19.76	6.02%	
DXG	16.55	TĂNG	TĂNG	16.15	14.84	2.48%		15.50	12.67	6.77%	



We Create Fortune

EIB	16.80	GIẢM	GIẢM		17.49			14.70	16.88	14.83%	BÁN
FCN	12.00	GIẢM	GIẢM		12.49				13.36		
FMC	26.60	GIẢM	TĂNG		28.58			31.60	26.18	-15.82%	
FPT	56.80	TĂNG	TĂNG	45.20	52.95	25.66%		46.00	48.93	23.48%	
GAS	101.00	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-3.99%			109.55		
GEX	22.95	TĂNG	TĂNG	22.20	21.33	3.38%		20.20	19.13	13.61%	
GIL	21.35	GIẢM	GIẢM		22.33				24.76		
GMD	27.10	GIẢM	TĂNG		27.92			28.50	26.02	-4.91%	
GTN	19.05	GIẢM	TĂNG	18.80	19.08	1.48%	BÁN	15.00	16.84	27.00%	
GVR	13.70	GIẢM	N/A		14.67				N/A		
HAG	4.70	GIẢM	GIẢM		4.93				5.39		
HAX	19.45	GIẢM	TĂNG		20.51			15.75	17.40	23.49%	
HBC	13.50	TĂNG	GIẢM	13.70	12.76	-1.46%			15.30		
HCM	22.15	TĂNG	GIẢM	22.15	21.55	0.00%	MUA		23.15		
HDB	26.00	GIẢM	GIẢM		26.11				27.74		
HDC	21.30	GIẢM	TĂNG		22.01			15.25	18.89	39.67%	
HDG	34.55	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-2.12%	
HNG	16.50	GIẢM	GIẢM		17.80			17.10	16.59	-2.97%	BÁN
HPG	22.60	TĂNG	GIẢM	22.55	21.39	0.22%			23.96		
HSG	6.51	GIẢM	GIẢM		6.82				7.68		
HT1	15.45	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
HUT	2.20	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-8.33%			2.83		
HVN	34.20	GIẢM	GIẢM		34.28				39.71		
KBC	15.60	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-2.50%		15.35	14.37	1.63%	
KDH	23.95	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	4.59%		24.00	22.19	-0.21%	
KSB	22.50	GIẢM	TĂNG		23.22			23.90	21.11	-5.86%	
LCG	9.30	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-3.12%			10.55		
LDG	10.45	TĂNG	TĂNG	8.18	9.69	27.75%		9.89	8.02	5.66%	
LHG	17.40	GIẢM	TĂNG		18.10			19.30	17.32	-9.84%	
LPB	7.60	GIẢM	GIẢM		7.76				8.33		
LSS	5.16	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-4.27%			5.78		
MBB	23.30	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	4.95%		21.85	21.21	6.64%	
MPC	27.80	GIẢM	GIẢM		30.02				35.00		
MSN	76.50	TĂNG	GIẢM	78.00	74.48	-1.92%			81.93		
MSR	17.70	TĂNG	GIẢM	17.60	17.34	0.57%			18.90		
MWG	122.40	TĂNG	TĂNG	122.40	118.88	0.00%	MUA	88.70	108.74	37.99%	
NDN	17.10	GIẢM	TĂNG		17.62			13.70	16.27	24.82%	
NKG	5.79	GIẢM	GIẢM		6.05				6.85		
NLG	28.75	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	0.17%	

We Create Fortune

NT2	25.00	TĂNG	GIẢM	25.10	24.87	-0.40%			26.43		
NTL	22.90	GIẢM	GIẢM		23.61				27.16		
NVL	61.80	GIẢM	GIẢM		63.66				62.33		
OIL	10.90	GIẢM	GIẢM		11.50				12.38		
PAC	27.60	GIẢM	GIẢM		28.68				31.56		
PC1	21.10	TĂNG	TĂNG	17.45	19.59	20.92%		21.10	16.28	0.00%	MUA
PDR	26.70	GIẢM	TĂNG		26.78			29.00	25.01	-7.93%	
PHR	54.90	GIẢM	GIẢM		59.08				73.93		
PLX	61.80	GIẢM	TĂNG		62.16			62.40	59.59	-0.96%	
PNJ	82.00	GIẢM	TĂNG		82.61			104.00	78.69	-21.15%	
POW	12.65	GIẢM	GIẢM		12.78				14.42		
PVT	18.20	TĂNG	TĂNG	18.20	18.14	0.00%	MUA	18.30	16.28	-0.55%	
PPC	25.45	GIẢM	GIẢM		26.33				29.10		
PTB	69.80	GIẢM	TĂNG		71.13			64.00	64.57	9.06%	
PVB	20.40	GIẢM	TĂNG		21.29			20.10	19.27	1.49%	
PVD	17.60	GIẢM	TĂNG		18.31			18.10	15.86	-2.76%	
PVI	33.70	GIẢM	GIẢM		34.79				38.65		
PVS	19.50	GIẢM	GIẢM		20.66				23.52		
PXS	5.09	GIẢM	GIẢM		5.46				6.13		
QNS	30.30	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-2.88%		33.80	27.77	-10.36%	
REE	37.10	TĂNG	TĂNG	37.15	34.87	-0.13%		33.33	33.81	11.33%	
SAB	264.00	GIẢM	TĂNG		270.34			245.00	257.56	7.76%	
SAM	7.83	GIẢM	TĂNG		7.95			7.40	7.69	5.81%	
SCR	6.53	GIẢM	GIẢM		6.72				7.11		
SHI	9.29	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	10.73%		6.99	8.30	32.90%	
SJS	17.15	GIẢM	GIẢM		18.10			-	19.89		
SKG	11.25	GIẢM	GIẢM		11.49				12.40		
SSI	21.35	GIẢM	GIẢM		21.56				23.58		
STB	10.35	GIẢM	GIẢM		10.40				11.17		
TCB	22.65	TĂNG	TĂNG	22.65	22.39	0.00%	MUA	22.65	22.22	0.00%	MUA
TCM	22.65	GIẢM	GIẢM		22.72				26.03		
TDH	10.15	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	7.98%		10.15	9.06	0.00%	
TLH	4.56	GIẢM	GIẢM		4.83				5.13		
TNG	18.40	GIẢM	GIẢM		18.87				20.94		
VCB	81.90	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	2.38%		62.00	73.39	32.10%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-1.85%		19.20	24.08	38.02%	
VCS	87.80	TĂNG	TĂNG	87.80	87.71	0.00%	MUA	68.00	78.29	29.12%	
VGC	19.50	TĂNG	GIẢM	19.25	18.70	1.30%			20.53		
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM	8.90	8.88	0.00%	MUA		9.90		



We Create Fortune

VHC	79.70	TĂNG	GIẢM	80.80	75.84	-1.36%			87.89		
VHM	88.00	TĂNG	TĂNG	87.30	85.77	0.80%		90.20	79.23	-2.44%	
VIB	17.60	GIẢM	TĂNG		17.87			17.70	16.40	-0.56%	
VIC	122.40	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.93%		112.00	113.76	9.29%	
VIP	5.08	GIẢM	GIẢM		5.14				5.48		
VJC	138.20	TĂNG	TĂNG	134.50	131.82	2.75%		124.50	124.16	11.00%	
VND	14.05	GIẢM	GIẢM		14.07				15.06		
VNG	20.80	TĂNG	TĂNG	19.10	20.36	8.90%		20.20	18.89	2.97%	
VNM	122.10	TĂNG	GIẢM	124.00	120.30	-1.53%			130.37		
VPB	20.70	TĂNG	TĂNG	19.10	19.65	8.38%		20.30	18.32	1.97%	
VPI	41.55	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.54%		41.30	39.27	0.61%	
VRC	16.20	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	5.88%			16.26		
VRE	33.95	GIẢM	TĂNG		34.85			35.00	33.61	-3.00%	
VSC	28.55	GIẢM	GIẢM		29.62				31.41		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.60	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-0.44%			23.85		
BID	39.85	TĂNG	TĂNG	32.65	37.25	22.05%		33.40	34.67	19.31%	
BSR	8.90	GIẢM	GIẢM		9.39				10.95		
BVH	74.30	GIẢM	GIẢM		75.13				83.30		
CTG	20.85	TĂNG	GIẢM	20.85	20.33	0.00%	MUA		21.90		
EIB	16.80	GIẢM	GIẢM		17.49			14.70	16.88	14.83%	BÁN
FPT	56.80	TĂNG	TĂNG	45.20	52.95	25.66%		41.00	48.93	38.55%	
GAS	101.00	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-3.99%			109.55		
HDB	26.00	GIẢM	GIẢM		26.11				27.74		
HNG	16.50	GIẢM	GIẢM		17.80			17.10	16.59	-2.97%	BÁN
HPG	22.60	TĂNG	GIẢM	22.55	21.39	0.22%			23.96		
HVN	34.20	GIẢM	GIẢM		34.28				39.71		
KDH	23.95	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	4.59%		24.00	22.19	-0.21%	
MBB	23.30	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	4.95%		21.27	21.21	9.54%	
MSN	76.50	TĂNG	GIẢM	78.00	74.48	-1.92%			81.93		
MWG	122.40	TĂNG	TĂNG	122.40	118.88	0.00%	MUA	88.70	108.74	37.99%	
NVL	61.80	GIẢM	GIẢM		63.66				62.33		
OIL	10.90	GIẢM	GIẢM		11.50				12.38		
PLX	61.80	GIẢM	TĂNG		62.16			59.97	59.59	3.05%	

We Create Fortune

PNJ	82.00	GIẢM	TĂNG		82.61			77.88	78.69	5.29%	
POW	12.65	GIẢM	GIẢM		12.78				14.42		
PVS	19.50	GIẢM	GIẢM		20.66				23.52		
QNS	30.30	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-2.88%		33.80	27.77	-10.36%	
REE	37.10	TĂNG	TĂNG	37.15	34.87	-0.13%		33.33	33.81	11.33%	
ROS	26.55	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-3.45%			29.25		
SSI	21.35	GIẢM	GIẢM		21.56				23.58		
STB	10.35	GIẢM	GIẢM		10.40				11.17		
TCB	22.65	TĂNG	TĂNG	22.65	22.39	0.00%	MUA	22.65	22.22	0.00%	MUA
TPB	22.50	GIẢM	GIẢM		22.67				N/A		
VCB	81.90	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	2.38%		62.00	73.39	32.10%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-1.85%		18.44	24.08	43.70%	
VEA	52.50	GIẢM	GIẢM		54.93				N/A		
VGI	31.40	GIẢM	GIẢM		33.18				N/A		
VHM	88.00	TĂNG	TĂNG	87.30	85.77	0.80%		90.20	79.23	-2.44%	
VIB	17.60	GIẢM	TĂNG		17.87			17.70	16.40	-0.56%	
VIC	122.40	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.93%		112.00	113.76	9.29%	
VJC	138.20	TĂNG	TĂNG	134.50	131.82	2.75%		124.50	124.16	11.00%	
VNM	122.10	TĂNG	GIẢM	124.00	120.30	-1.53%			130.37		
VPB	20.70	TĂNG	TĂNG	19.10	19.65	8.38%		20.30	18.32	1.97%	
VRE	33.95	GIẢM	TĂNG		34.85			34.00	33.61	-0.14%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.35	GIẢM	GIẢM		16.64				17.82		
ANV	25.30	TĂNG	GIẢM	25.45	24.41	-0.59%			27.58		
ASM	5.95	GIẢM	GIẢM		6.19				6.85		
BMP	50.20	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	3.93%	
BWE	25.60	GIẢM	TĂNG		26.97			19.44	25.45	31.69%	
C4G	6.80	GIẢM	GIẢM		7.32				9.13		
CEO	10.30	TĂNG	GIẢM	10.30	9.74	0.00%			11.12		
CII	20.65	GIẢM	GIẢM		21.17				22.62		
CRE	25.00	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-1.57%			26.06		
CTI	22.50	GIẢM	GIẢM		23.95				24.64		
CTR	46.50	TĂNG	#N/A	46.50	45.71	0.00%	MUA	-	#N/A		
DCM	8.40	TĂNG	TĂNG	8.47	8.26	-0.83%		8.54	7.92	-1.64%	

We Create Fortune

DHC	33.60	TĂNG	GIẢM	33.00	31.16	1.82%			35.33		
DIG	14.05	GIẢM	TĂNG		14.21			13.90	12.65	1.08%	
DPM	13.00	GIẢM	GIẢM		13.52				15.07		
DRC	22.90	TĂNG	TĂNG	22.80	21.18	0.44%		21.60	19.76	6.02%	
DXG	16.55	TĂNG	TĂNG	16.15	14.84	2.48%		15.50	12.67	6.77%	
E1VFN30	14.90	TĂNG	GIẢM	14.62	14.67	1.92%			15.16		
FCN	12.00	GIẢM	GIẢM		12.49				13.36		
FLC	3.61	GIẢM	GIẢM		3.74				4.14		
FTM	5.30	GIẢM	GIẢM		7.02				12.94		
GEG	27.20	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	19.30%		12.90	23.98	110.85%	
GEX	22.95	TĂNG	TĂNG	22.20	21.33	3.38%		20.20	19.13	13.61%	
GMD	27.10	GIẢM	TĂNG		27.92			28.50	26.02	-4.91%	
GTN	19.05	GIẢM	TĂNG	18.80	19.08	1.48%	BÁN	15.00	16.84	27.00%	
GVR	13.70	GIẢM	#N/A		14.67			-	#N/A		
HAG	4.70	GIẢM	GIẢM		4.93				5.39		
HBC	13.50	TĂNG	GIẢM	13.70	12.76	-1.46%			15.30		
HCM	22.15	TĂNG	GIẢM	22.15	21.55	0.00%	MUA		23.15		
HDG	34.55	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-2.12%	
HPX	26.35	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.94%		-	#N/A		
HSG	6.51	GIẢM	GIẢM		6.82				7.68		
HT1	15.45	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
IBC	20.35	GIẢM	TĂNG		20.72			24.90	20.15	-18.27%	
IDI	5.94	GIẢM	GIẢM		6.19				6.98		
IJC	15.30	TĂNG	TĂNG	15.70	14.47	-2.55%		13.10	13.12	16.79%	
ITA	3.21	GIẢM	TĂNG		3.37			3.20	2.96	0.31%	
KBC	15.60	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-2.50%		15.35	14.37	1.63%	
KSB	22.50	GIẢM	TĂNG		23.22			23.90	21.11	-5.86%	
LDG	10.45	TĂNG	TĂNG	8.18	9.69	27.75%		9.89	8.02	5.66%	
LPB	7.60	GIẢM	GIẢM		7.76				8.33		
MBS	15.10	GIẢM	TĂNG		15.76			16.00	14.25	-5.63%	
MPC	27.80	GIẢM	GIẢM		30.02				35.00		
NBB	19.00	GIẢM	GIẢM		20.61			21.50	19.30	-10.24%	BÁN
NKG	5.79	GIẢM	GIẢM		6.05				6.85		
NLG	28.75	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	0.17%	
NT2	25.00	TĂNG	GIẢM	25.10	24.87	-0.40%			26.43		
NTC	163.80	GIẢM	TĂNG		168.71			120.00	162.94	36.50%	
NTL	22.90	GIẢM	GIẢM		23.61				27.16		
NVB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.52				8.10		



We Create Fortune

OGC	3.84	GIẢM	GIẢM		3.96			4.40			
PC1	21.10	TĂNG	TĂNG	17.45	19.59	20.92%		19.30	16.28	9.33%	
PDR	26.70	GIẢM	TĂNG		26.78			23.60	25.01	13.16%	
PHR	54.90	GIẢM	GIẢM		59.08			73.93			
PPC	25.45	GIẢM	GIẢM		26.33			29.10			
PTB	69.80	GIẢM	TĂNG		71.13			60.78	64.57	14.84%	
PVD	17.60	GIẢM	TĂNG		18.31			18.10	15.86	-2.76%	
PVI	33.70	GIẢM	GIẢM		34.79			38.65			
PVT	18.20	TĂNG	TĂNG	18.20	18.14	0.00%	MUA	18.30	16.28	-0.55%	
QCG	4.60	GIẢM	GIẢM		4.89			5.28			
SAM	7.83	GIẢM	TĂNG		7.95			7.40	7.69	5.81%	
SBT	17.50	TĂNG	TĂNG	16.50	16.43	6.06%		17.50	17.18	0.00%	MUA
SCR	6.53	GIẢM	GIẢM		6.72			7.11			
SHB	6.30	GIẢM	GIẢM		6.45			6.86			
SHS	7.30	TĂNG	GIẢM		7.26			8.74			
SJS	17.15	GIẢM	GIẢM		18.10			19.89			
STK	21.20	TĂNG	GIẢM	22.10	20.48	-4.07%		24.36			
SZC	18.20	GIẢM	#N/A		19.76			-	#N/A		
TCH	22.85	TĂNG	TĂNG	22.05	22.42	3.63%		22.50	20.22	1.56%	
TCM	22.65	GIẢM	GIẢM		22.72			26.03			
TNG	18.40	GIẢM	GIẢM		18.87			20.94			
TTB	23.80	GIẢM	TĂNG		24.24			24.50	22.71	-2.86%	
VCI	32.80	GIẢM	TĂNG		34.13			36.00	30.78	-8.89%	
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM		8.88			9.90			
VHC	79.70	TĂNG	GIẢM	80.80	75.84	-1.36%		87.89			
VND	14.05	GIẢM	GIẢM		14.07			15.06			
VNG	20.80	TĂNG	TĂNG	19.10	20.36	8.90%		20.20	18.89	2.97%	
VPI	41.55	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.54%		41.30	39.27	0.61%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.10	GIẢM	#N/A		10.77			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.83	GIẢM	TĂNG		5.14			3.99	4.34	21.05%	
AMD	1.56	GIẢM	GIẢM		1.62			1.83			
APG	9.65	TĂNG	TĂNG	9.19	8.34	5.01%		9.90	7.90	-2.53%	
ART	1.70	GIẢM	GIẢM		2.00			2.51			



We Create Fortune

BCC	7.60	GIẢM	GIẢM		7.87			8.78			
BCG	7.95	TĂNG	TĂNG	5.82	7.56	36.60%		6.39	6.81	24.41%	
C69	26.10	TĂNG	TĂNG	18.30	23.71	42.62%		5.30	15.71	392.45%	
CCL	9.60	TĂNG	TĂNG	6.38	8.50	50.47%		3.46	7.55	177.46%	
CRC	16.40	GIẢM	TĂNG		17.93			18.90	15.04	-13.23%	
CVT	20.85	GIẢM	TĂNG		20.94			20.35	18.94	2.46%	
DAG	6.65	GIẢM	TĂNG		6.95			7.09	6.22	-6.21%	
DAH	10.10	GIẢM	GIẢM		11.19				12.52		
DGW	23.85	GIẢM	TĂNG		24.24			23.50	21.45	1.49%	
DLG	1.59	GIẢM	GIẢM		1.60				1.65		
DRH	7.40	GIẢM	GIẢM		7.69				7.76		
DTD	15.60	GIẢM	TĂNG		16.12			12.90	14.20	20.93%	
EVG	2.60	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-7.14%			3.02		
FIT	3.31	GIẢM	TĂNG		3.46			3.64	3.03	-9.07%	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	0.67%			15.54		
HAH	14.80	GIẢM	TĂNG		15.66			13.00	13.89	13.85%	
HAI	1.62	GIẢM	GIẢM		1.69				1.92		
HAP	3.39	GIẢM	TĂNG		3.45			3.67	3.25	-7.63%	
HAR	3.77	TĂNG	GIẢM	3.56	3.50	5.90%			3.88		
HCD	3.50	GIẢM	GIẢM		3.58				4.02		
HDA	10.60	GIẢM	GIẢM		11.14				12.19		
HDC	21.30	GIẢM	TĂNG		22.01			15.25	18.89	39.67%	
HHP	11.70	GIẢM	GIẢM		12.11				13.73		
HHS	2.93	GIẢM	GIẢM		2.96				3.24		
HII	11.20	GIẢM	GIẢM		11.58				12.29		
HQC	1.27	GIẢM	GIẢM		1.34				1.44		
HSL	9.84	TĂNG	TĂNG	8.10	8.70	21.48%		9.84	9.33	0.00%	MUA
HUT	2.20	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-8.33%			2.83		
HVG	3.00	GIẢM	GIẢM		3.09				3.75		
HVH	20.10	GIẢM	#N/A		21.83				#N/A		
JVC	3.06	TĂNG	TĂNG	2.76	2.96	10.87%		3.10	2.68	-1.29%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.60	GIẢM	GIẢM		2.67				3.03		
LCG	9.30	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-3.12%			10.55		
LGL	10.80	TĂNG	TĂNG	10.90	10.05	-0.92%		7.11	9.25	51.83%	
LHG	17.40	GIẢM	TĂNG		18.10			19.30	17.32	-9.84%	
LMH	16.75	GIẢM	#N/A		17.08			-	#N/A		
MST	3.10	TĂNG	GIẢM	2.80	2.83	10.71%			3.16		
NDN	17.10	GIẢM	TĂNG		17.62			13.10	16.27	30.49%	



We Create Fortune

PHC	12.55	GIẢM	GIẢM		12.70				13.48		
PVB	20.40	GIẢM	TĂNG		21.29			20.10	19.27	1.49%	
PVC	7.10	GIẢM	TĂNG		7.28			7.10	6.67	0.00%	
PXL	5.30	GIẢM	GIẢM		5.98				6.65		
PXS	5.09	GIẢM	GIẢM		5.46				6.13		
QBS	3.10	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	7.30	GIẢM	GIẢM		8.25				10.40		
SHI	9.29	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	10.73%		6.23	8.30	49.05%	
SJF	2.42	GIẢM	GIẢM		2.62				3.54		
SKG	11.25	GIẢM	GIẢM		11.49				12.40		
TDH	10.15	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	7.98%		10.15	9.06	0.00%	
TIG	3.10	TĂNG	TĂNG	3.40	3.02	-8.82%		3.20	3.03	-3.13%	
TLD	6.49	TĂNG	TĂNG	5.35	5.68	21.31%		5.99	4.95	8.35%	
TLH	4.56	GIẢM	GIẢM		4.83				5.13		
TNI	10.05	GIẢM	GIẢM		10.45				11.60		
TTF	2.92	TĂNG	GIẢM	3.00	2.79	-2.67%			3.48		
TTH	3.00	GIẢM	GIẢM		3.17				3.39		
TVB	17.30	GIẢM	GIẢM		17.32				18.55		
TVC	16.00	GIẢM	TĂNG		16.89			14.30	14.38	11.89%	
VC3	22.60	GIẢM	TĂNG		22.97			22.00	21.35	2.73%	
VCR	22.20	GIẢM	GIẢM		24.82				25.98		
VNE	3.60	TĂNG	GIẢM	3.35	3.07	7.46%			3.70		
VPG	22.60	TĂNG	TĂNG	21.40	21.19	5.61%		20.46	19.34	10.48%	
VRC	16.20	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	5.19%			16.26		
YBM	9.70	GIẢM	GIẢM		10.25				11.67		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	987.22	1.14%
VN30	905.05	1.20%
VN Mid	970	0.60%
VN Small	807.52	0.23%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.2	1.08%
HN30	184.95	1.20%
VNX AllSh	874.09	0.98%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.72	0.57%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	378.63	
Bán	411.82	
GT rỗng	-33.19	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1.48	
Bán	1.39	
GT rỗng	0.09	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	25.85	
Bán	10.40	
GT rỗng	15.44	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FRT	3000	6.98%
VRC	750	4.85%
MWG	5600	4.79%
GEX	950	4.32%
HDC	850	4.16%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SHS	600	8.96%
DGC	1100	4.28%
L14	2100	3.85%
DHT	1600	3.82%
ACB	400	1.80%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ACV	3500	4.92%
VGT	400	4.71%
OIL	300	2.83%
IDC	500	2.76%
LPB	200	2.70%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NAF	-1600	-6.72%
YEG	-3900	-6.31%
HNG	-450	-2.65%
IJC	-400	-2.55%
CTI	-500	-2.17%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMV	-200	-1.04%
PVS	-200	-1.02%
PVI	-200	-0.59%
TNG	-100	-0.54%
VC3	-100	-0.44%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MSR	-700	-3.80%
VGI	-900	-2.79%
SGP	-300	-2.75%
HTM	-200	-1.15%
MPC	-300	-1.07%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	406,531	
VCB	294,856	
VHM	291,073	
VNM	212,448	
GAS	190,055	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,993	
VCS	13,595	
VCG	11,661	
PVS	9,416	
PVI	7,835	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	154,776	
VGI	98,166	
VEA	69,383	
GVR	54,872	
MCH	51,025	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	19,969,370	20,970,531
NVT	8,020,000	1,273
MBB	7,562,360	4,853,482
CTG	6,406,050	1,958,923
HNG	6,381,730	1,077,601

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHS	4,302,268	1,085,235
SHB	3,719,112	3,263,279
PVS	1,713,869	2,554,916
CEO	1,551,560	842,951
ACB	1,325,068	1,558,113

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HHV	1,800,200	91
VTE	1,470,700	68,209
BSR	733,450	1,260,348
VGT	713,061	190,793
IDC	663,800	227,097

Nguồn: Bloomberg & YSVN

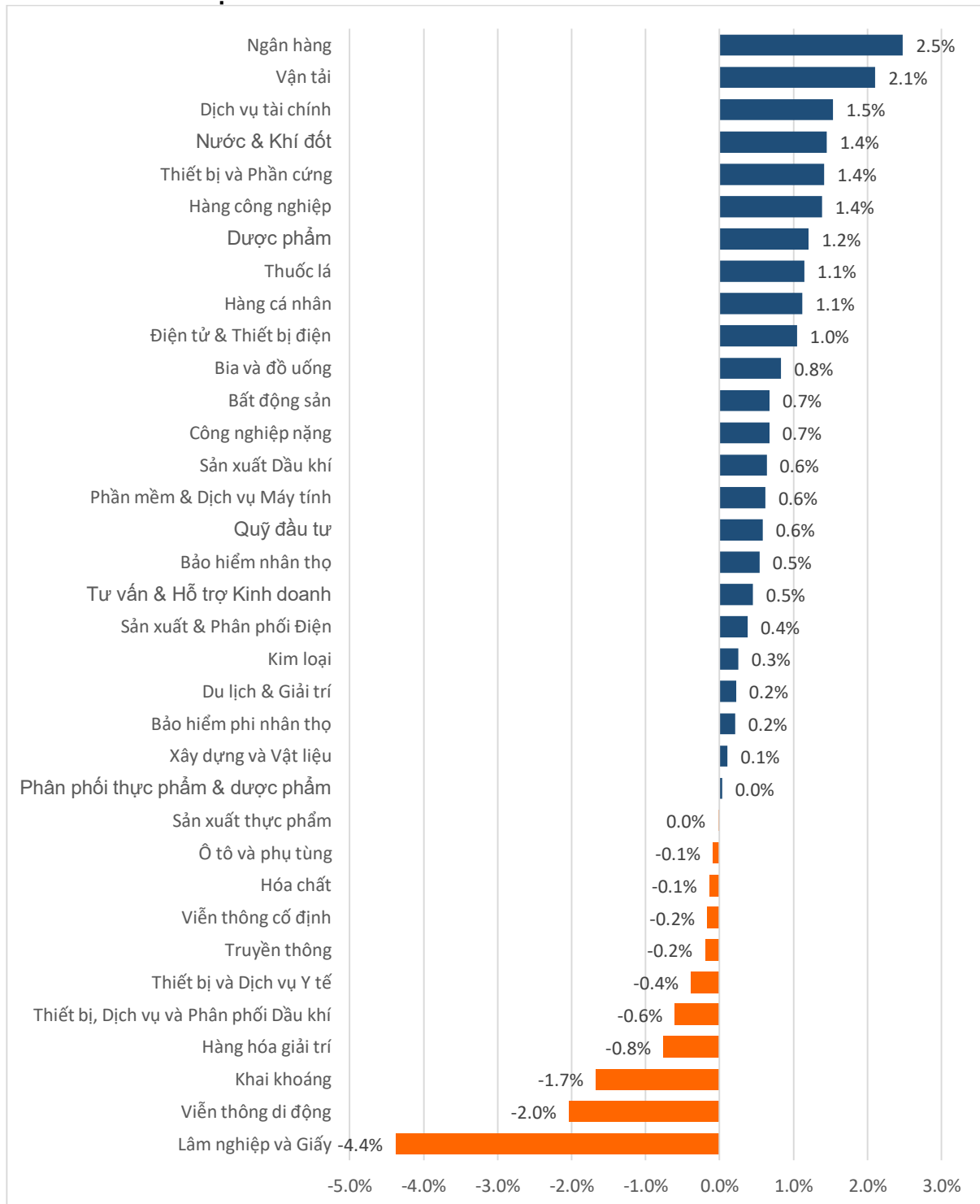
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



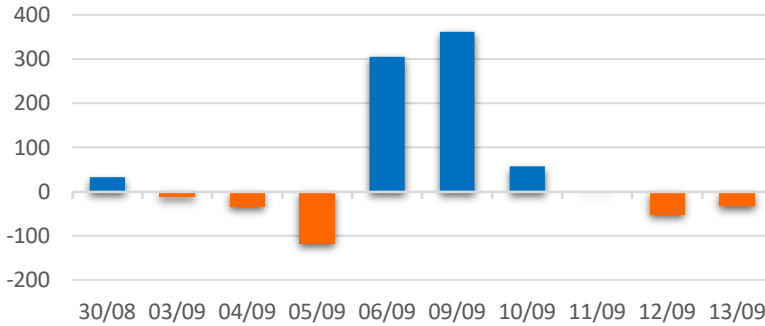
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

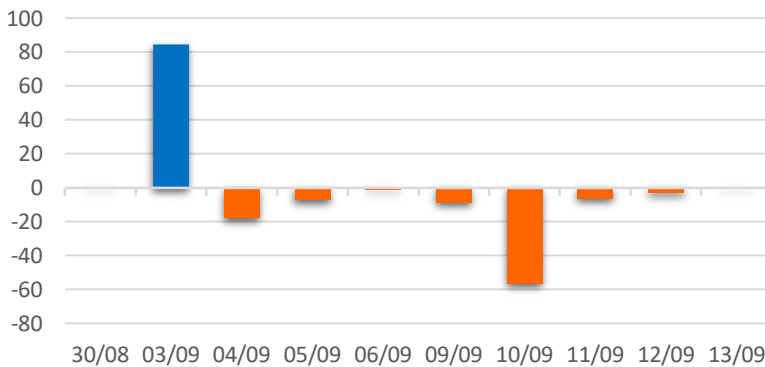
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	52,531	VNM	30,073
VJC	10,952	VRE	29,132
BID	7,796	SSI	25,796
PC1	6,278	MSN	15,106
TNA	5,689	E1VFN30	5,849

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

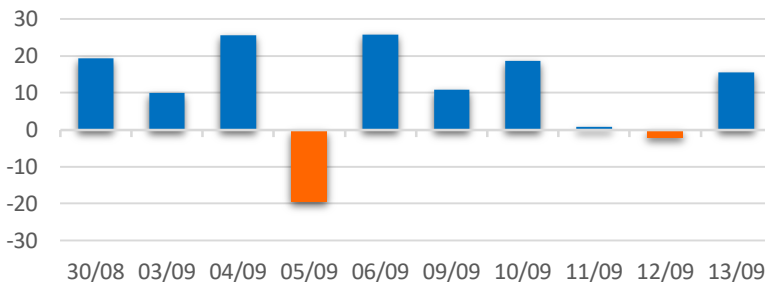
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TNG	368	CDN	364
PVI	191	PVG	308
BVS	93	INN	138
DXP	88	MAS	104
BAX	80	SHS	104

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	4,853	C21	1,803
OIL	4,287	TCW	236
MCH	3,637	CTR	135
ACV	2,932	VGI	104
VEA	1,149	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



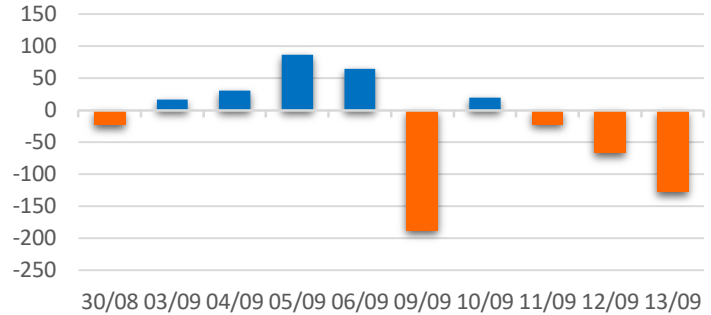
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

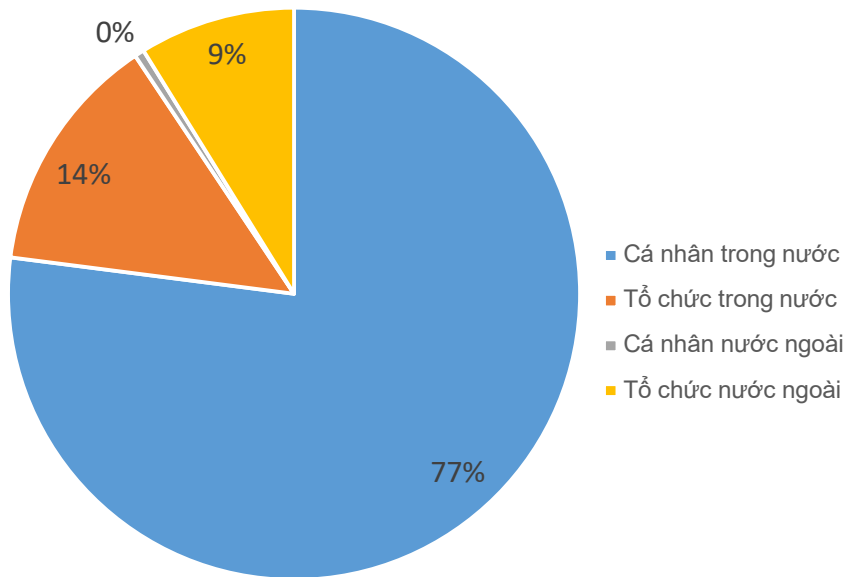
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>E1VFN30</b>	23,971	<b>MWG</b>	31,835
<b>MWG</b>	23,284	<b>E1VFN30</b>	17,841
<b>MSN</b>	5,223	<b>FPT</b>	15,211
<b>MBB</b>	3,496	<b>MBB</b>	13,422
<b>BID</b>	2,988	<b>VNM</b>	9,781

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

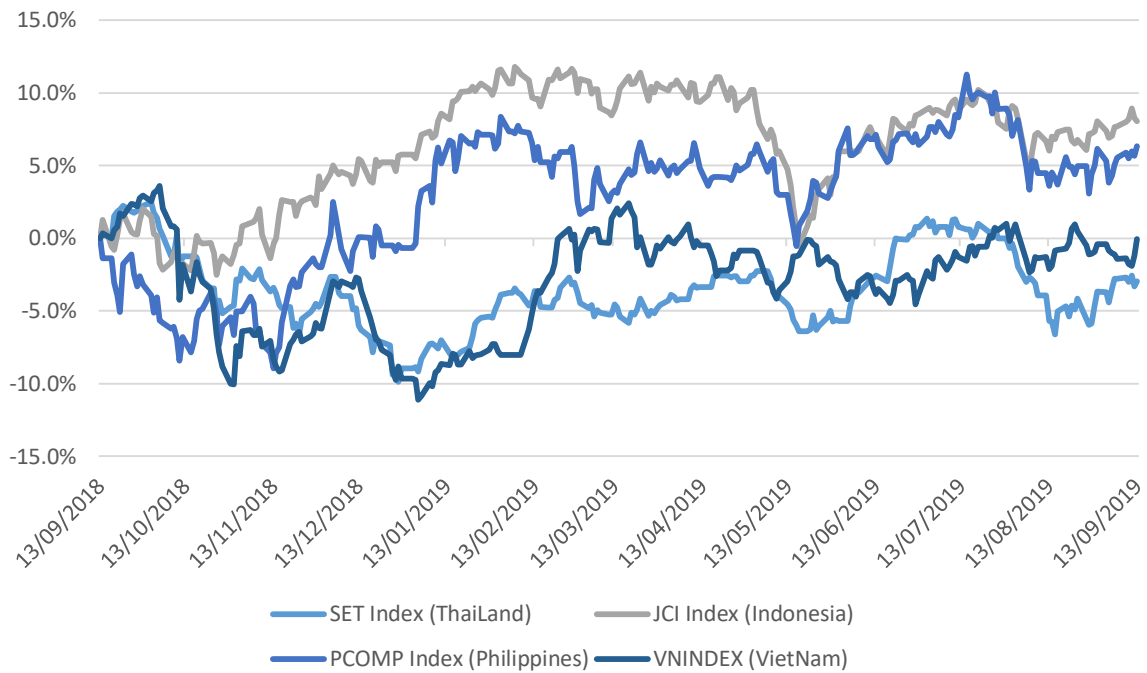


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

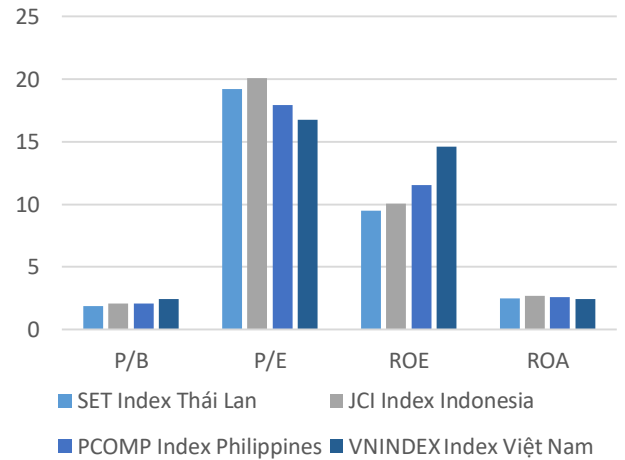
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.1x	2.1x	2.4x
P/E		19.2x	20.1x	17.9x	16.8x
ROE	%	9.49	10.06	11.54	14.62
ROA	%	2.50	2.67	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	562.72	522.73	191.30	142.13
GTGD	Triệu USD	2.00	0.52	0.09	0.12
LS cổ tức	%	3.05	2.43	1.63	1.78

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

**Đặng Phi Phôn**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create Fortune

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written